



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nậm Nèn, ngày tháng 12 năm 2025

PHƯƠNG ÁN
VỀ VIỆC SỬ DỤNG TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG PHỤC VỤ CHO
CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG VÀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY
RỪNG NĂM 2025 CỦA UBND XÃ NẬM NÈN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Phần I.

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Phương án

Rừng là tài nguyên quý giá của đất nước, là bộ phận quan trọng của hệ sinh thái, có giá trị to lớn về kinh tế, xã hội và môi trường cần được quản lý, bảo vệ. Bảo vệ rừng, bảo vệ sinh thái rừng để duy trì môi trường sống, bảo vệ nguồn nước sản xuất, sinh hoạt, tăng độ che phủ của rừng, bảo vệ, phát triển rừng theo hướng bền vững.

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Để đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện việc sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) của UBND xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng để hưởng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các chính sách khác theo quy định hiện hành. UBND xã Nậm Nèn xây dựng Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn xã Nậm Nèn.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng Phương án

Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Hướng dẫn số 3475/HDLN-SNNMT-STC ngày 08/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Sở Tài chính tỉnh Điện Biên về quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Công văn số 436/QBVR-BĐH ngày 14/8/2025 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Điện Biên về việc đề nghị xây dựng và tổ chức thực hiện phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng.

Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Mường Chà Giao trách nhiệm quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê cho UBND xã Nậm Nèn, huyện Mường Chà để hưởng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các chính sách khác theo quy định hiện hành;

Quyết định số 3922/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Mường Chà Giao trách nhiệm quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê cho UBND xã Huổi Mí, huyện Mường Chà để hưởng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các chính sách khác theo quy định hiện hành;

Phần II.

HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG

1. Đặc điểm tình chung

Xã Nậm Nèn được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của hai xã Nậm Nèn và Huổi Mí (cũ). Sau khi thành lập, xã Nậm Nèn là xã nội địa có diện tích tự nhiên 17.501,40 ha; quy mô dân số của xã là 7.559 người sinh sống tại 18 thôn, bản gồm các dân tộc: Dân tộc Thái chiếm 19,49%; Dân tộc Mông chiếm 59,68%; Dân tộc Khơ Mú chiếm 14,25%; Dân tộc Kháng chiếm 4,70%; Dân tộc Kinh chiếm 1,24%; các dân tộc khác chiếm 0,65%; tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số của xã chiếm 98,12% dân số toàn xã. Đa số bà con các dân tộc trên địa bàn xã sinh sống bằng nghề nông nghiệp - Lâm nghiệp – thủy sản, phát triển kinh tế còn nhiều khó khăn, một số bản vùng cao còn phong tục làm nương, trình độ dân trí chưa đồng đều; địa bàn rộng, diễn biến thời tiết phức tạp cũng khiến đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn.

2. Tình hình bảo vệ rừng trên địa bàn xã

- Xã Nậm Nèn (được sáp nhập từ xã Huổi Mí và Nậm Nèn) có tổng diện tích tự nhiên 17.501,40 ha, trong đó:

+ Diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp là 10.899,27 ha; diện tích có rừng là 7.849,78 ha (Rừng phòng hộ là 5.041,19 ha; rừng sản xuất là 2.808,59 ha).

+ Diện tích không có rừng trong quy hoạch cho lâm nghiệp là 3.226,97 ha.

+ Còn lại đất khác ngoài quy hoạch là 6.602,13 ha.

+ Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 là 43,85%. (theo số liệu theo dõi diễn biến rừng năm 2025)

Công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn xã luôn được Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (UBND) xã quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, PCCC rừng tự nhiên hiện có, bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Hiện trạng diện tích rừng được giao cho UBND xã quản lý và bảo vệ để hưởng tiền Dịch vụ môi trường rừng

Tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng tự nhiên do UBND xã đang quản lý và bảo vệ là 188,31 ha đất rừng, trong đó:

- Rừng phòng hộ: 126,9ha; bao gồm: Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu là TXK), rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo (ký hiệu là TXN), rừng tự nhiên thứ sinh hỗn giao gỗ tre nứa (ký hiệu là HG).

- Rừng sản xuất: 48,66ha; bao gồm: Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu là TXK), rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo (ký hiệu là TXN), rừng tự nhiên thứ sinh hỗn giao gỗ tre nứa (ký hiệu là HG).

- Rừng ngoài quy hoạch: 12,75ha; bao gồm: Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu là TXK), rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo (ký hiệu là TXN), rừng tự nhiên thứ sinh hỗn giao gỗ tre nứa (ký hiệu là HG).

Phần III

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TIỀN DVMTR

1. Nội dung thuyết minh

1.1. *Tên phương án:* Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2025 của UBND xã Nậm Nèn.

1.2. *Quy mô:* 188,31 ha diện tích rừng được Nhà nước giao trách nhiệm cho UBND xã quản lý.

1.3. *Mục tiêu:* Sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng để tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng đối với diện tích rừng được Nhà nước giao trách nhiệm cho UBND xã quản lý bảo vệ.

1.4. *Yêu cầu:* Quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ rừng theo quy định tại khoản 4 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Hướng dẫn số 3475/HDLN-SNNMT-STC ngày 08/9/2025 của liên ngành Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính tỉnh Điện Biên về việc quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên và các văn bản liên quan khác.

2. Diện tích rừng cung ứng DVMTR

Tổng diện tích rừng cung ứng DVMTR là: 188,31 ha.

3. Nguồn kinh phí và phương án sử dụng

3.1. Nguồn kinh phí

Diện tích cung ứng 188,31 ha. Tổng kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2025 là: 323.923.226 đồng (*Ba trăm hai ba triệu, chín trăm hai ba nghìn, hai trăm hai sáu đồng*) và nguồn kinh phí từ những năm trước chuyển sang là 1.193.746.890 đồng (*một tỷ, một trăm chín ba triệu, bảy trăm bốn sáu nghìn, tám trăm chín mươi đồng*)

3.2. Phương án sử dụng tiền DVMTR

Tổng kinh phí: Số tiền DVMTR được nhận: 1.517.670.116 đồng là số tiền thực tế khi Quỹ Dịch vụ môi trường rừng chi trả. Phương án sử dụng kinh phí như sau:

- Chi trả 90% kinh phí cho bên nhận khoán bảo vệ rừng là Cộng đồng dân cư, hộ gia đình cá nhân (nếu có)
- 10% kinh phí còn lại chi cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của UBND xã Nậm Nền

3.3. Nội dung và mức chi

- a) Chi cho người bảo vệ rừng (tiền công, công tác phí, bảo hiểm, đồ dùng bảo hộ và các khoản chi khác).
- b) Mua sắm phương tiện, công cụ, trang thiết bị, xăng, dầu cho tuần tra, kiểm kê rừng.
- c) Hỗ trợ cho những người được huy động tham gia ngăn chặn, chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật.
- d) Bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ.
- đ) Công tác kiêm nhiệm.
- e) Phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng.
- f) Hội nghị, hội thảo sơ, tổng kết và công tác thi đua khen thưởng.
- g) Các khoản chi khác: Xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; các hạng mục công trình lâm sinh, các công trình cơ sở kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng; các hoạt động tuần tra, truy quét các điểm nóng, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng; mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng; lập hồ sơ, xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng; kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu, tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, hội nghị và các hoạt động khác phục vụ công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng; chi trả lương và các khoản có tính chất lương (cho các đối tượng không hưởng lương từ nguồn ngân sách Nhà nước và các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong trường hợp ngân sách nhà nước không đảm bảo chi trả lương và các khoản có tính chất lương); các hoạt động khác phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Các nội dung chi trên thực hiện theo định mức chi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

PHẦN IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã:

Phối hợp với Kiểm lâm phụ trách địa bàn, hằng năm xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn quản lý; thống kê rà soát diện tích rừng có cung ứng DVMTR; tăng cường công tác quản lý đất đai, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý đất đai trên địa bàn xã. Chủ trì xây dựng phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng gửi tham vấn các cơ quan, đơn vị liên quan đồng thời trình UBND xã phê duyệt theo quy định.

Kịp thời tham mưu, xử lý việc quản lý, sử dụng và kết quả thực hiện dịch vụ môi trường rừng tại địa bàn, đồng thời đề xuất biện pháp xử lý, khắc phục nếu phát hiện chi sai, chậm hoặc sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng không đúng mục đích.

Thực hiện công tác quản lý tài chính theo quy định; thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng tiền của cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng (nếu có). Tổng hợp báo cáo theo quy định.

Xét duyệt, trình thẩm định, báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của UBND xã và các cộng đồng dân cư, các cá nhân hộ gia đình được giao khoán rừng (nếu có) theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, thực hiện điều chỉnh quyết định phê duyệt phương án sử dụng tiền ngay sau khi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh niêm yết danh sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

2. Kiểm lâm địa bàn

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng để nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ rừng gắn với lợi ích kinh tế. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của các bản đội được giao khoán quản lý bảo vệ rừng đảm bảo hiệu quả, đúng phương án.

Kịp thời thông tin việc quản lý, sử dụng và kết quả thực hiện dịch vụ môi trường rừng tại địa bàn, đồng thời đề xuất biện pháp xử lý, khắc phục nếu phát hiện chi sai, chậm hoặc sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng không đúng mục đích. Đề xuất, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Phối hợp theo chức năng nhiệm vụ thống kê, xác định ranh giới rừng, diện tích rừng được chi trả làm cơ sở xác nhận kết quả thực hiện bảo vệ rừng, nhằm thanh toán, quyết toán chính xác nguồn chi trả của các đối tượng nhận khoán, nhận chi trả dịch vụ môi trường rừng.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp, chỉ đạo tổ chức các hội, các tổ chức thành viên phối hợp với chính quyền cơ sở,

các ngành tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn xã theo quy định.

4. Trưởng bản, Chủ rừng

Phối hợp thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn; huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng và ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp trong phạm vi trách nhiệm quản lý.

PHẦN V KẾT LUẬN

Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng được xây dựng dựa trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước. Phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội và tài nguyên rừng cho công tác quản lý, bảo vệ rừng năm 2025, Phương án là cơ sở để UBND xã Nậm Nèn triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn xã./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh;
- TT: Đảng ủy, HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Hạt Kiểm lâm Na Sang;
- Lưu: VT, HSKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN